

Số: 10 /2021/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý di tích, di vật, cổ vật,
bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc Quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 5 năm 2021 và thay thế Quyết định số 242/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh, bãi bỏ Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Alc*

Nơi nhận: M&S

- Như Điều 3;
- Bộ VHTTDL (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- BBN, Đài PTTH BN;
- VPUBND tỉnh: Công TTĐT, PVPVX, CVP;
- Lưu VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Tuấn
Vương Quốc Tuấn

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2021

QUY ĐỊNH

**Quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2021/QĐ-UBND
ngày 06 /5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các hoạt động về quản lý di tích lịch sử - văn hoá đã được nhà nước xếp hạng và công trình xây dựng, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học nằm trong danh mục kiểm kê (sau đây gọi chung là di tích); các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành trong quản lý hoạt động, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Di tích lịch sử - văn hoá* là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

2. *Danh lam thắng cảnh* là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.

3. *Chủ sở hữu di tích* là tổ chức, cá nhân có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt đối với di tích theo quy định của pháp luật.

4. *Tổ chức, cá nhân được giao quản lý di tích* là tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu di tích giao quyền quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định của pháp luật.

5. *Người đại diện tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích* là người đại diện hợp pháp cho chủ sở hữu di tích hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý di tích xác lập, giao dịch dân sự để thực hiện quyền sở hữu hoặc quản lý di tích theo quy định của pháp luật.

6. *Di vật* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học.

7. *Cổ vật* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên.

8. *Bảo vật quốc gia* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học.

9. *Bảo quản di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia* là hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

10. *Tu bổ di tích* là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa.

11. *Tôn tạo di tích* là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị di tích nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích.

12. *Tu sửa cấp thiết di tích, đối tượng kiểm kê di tích* là hoạt động sửa chữa mà không phải tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc hoặc chống đỡ, gia cố, gia cường tạm thời để ngăn chặn di tích, đối tượng kiểm kê di tích khỏi bị sập đổ, hủy hoại.

13. *Phục hồi di tích* là hoạt động nhằm phục dựng lại di tích đã bị hủy hoại trên cơ sở các cứ liệu khoa học về di tích.

14. *Hạ giải di tích* là hoạt động tháo rời toàn bộ hoặc một số cấu kiện, thành phần kiến trúc của một di tích nhằm mục đích bảo quản, tu bổ mà vẫn giữ gìn tối đa sự nguyên vẹn các cấu kiện, thành phần kiến trúc của di tích đó.

15. *Thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích* là ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa đối với nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích do dự án đề xuất để làm cơ sở cho chủ đầu tư xem xét, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi quyết định phê duyệt hoặc trình người có thẩm quyền phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định hiện hành.

Chương II

QUẢN LÝ DI TÍCH

Mục 1

Phân loại, kiểm kê, xếp hạng di tích

Điều 3. Phân loại di tích

Di tích được phân loại theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và các tiêu chí quy định tại Điều 28 Luật di sản văn hóa, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, gồm:

1. Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân);
2. Di tích kiến trúc nghệ thuật;
3. Di tích khảo cổ;
4. Danh lam thắng cảnh.

Điều 4. Kiểm kê di tích

1. Việc kiểm kê di tích được tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và khoản 2 Điều 28 Luật Di sản văn hóa.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm kê di tích, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích.

3. Định kỳ 05 năm một lần (vào những năm có số cuối là 0 và 5), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát, kiểm kê di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 5. Đối tượng lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích

Các di tích nằm trong danh mục kiểm kê có đủ tiêu chí quy định tại Điều 28 Luật Di sản văn hóa, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

Điều 6. Lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích

Nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ khoa học xếp hạng di tích

1. Hồ sơ khoa học di tích phải có đầy đủ thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Hồ sơ khoa học di tích được lưu trữ tại tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích, UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa (đối với di tích xếp hạng quốc gia và quốc gia đặc biệt).

3. Khuyến khích việc định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần của Hồ sơ khoa học di tích để lưu trữ cùng hồ sơ.

Điều 8. Tổ chức trao nhận quyết định và bằng xếp hạng di tích

1. UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức lễ trao nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

2. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức lễ trao nhận Bằng xếp hạng di tích cấp quốc gia.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức lễ trao nhận Bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh, báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức lễ trao nhận quyết định và bằng xếp hạng di tích theo quy định hiện hành của Nhà nước bảo đảm trang trọng và tiết kiệm.

Điều 9. Hủy bỏ xếp hạng di tích

Di tích đã được xếp hạng mà sau đó có đủ căn cứ xác định là không đủ tiêu chuẩn hoặc bị hủy hoại không có khả năng phục hồi thì người có thẩm quyền xếp hạng di tích nào thì ra quyết định hủy bỏ xếp hạng đối với di tích đó theo quy định tại Điều 30 Luật Di sản văn hóa.

1. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chủ tịch UBND tỉnh việc hủy bỏ xếp hạng đối với di tích cấp tỉnh (khi không đủ tiêu chuẩn).

2. Chủ tịch UBND tỉnh trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hủy bỏ xếp hạng di tích cấp quốc gia (khi không đủ tiêu chuẩn).

Mục 2

Quản lý và sử dụng di tích

Điều 10. Phân cấp quản lý di tích

Căn cứ điều kiện và giá trị di tích trên địa bàn, UBND tỉnh phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm bảo vệ, quản lý và khai thác di tích trên địa bàn theo đúng quy định pháp luật, cụ thể:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước di tích trên địa bàn tỉnh; quản lý trực tiếp di tích: Văn Miếu Bắc Ninh; Khu lưu niệm đồng chí Nguyễn Văn Cừ; Khu lưu niệm đồng chí Ngô Gia Tự.

2. UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với di tích trên địa bàn, trừ các di tích được quy định tại Khoản 1, Điều này.

3. UBND cấp xã quản lý trực tiếp các di tích trên địa bàn, có trách nhiệm thành lập, kiện toàn và quy định nội quy, quy chế hoạt động của Ban Quản lý di tích, Tổ quản lý di tích, trừ các di tích được quy định tại Khoản 1, Điều này.

Điều 11. Quản lý đất đai và cấm mốc giới di tích

Các di tích đã được xếp hạng phải được tổ chức cấm mốc giới khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích. Việc cấm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, cụ thể như sau:

1. Sau 90 (chín mươi) ngày, cấp có thẩm quyền Quyết định xếp hạng di tích việc cấm mốc giới di tích phải được hoàn thành; cấp quản lý trực tiếp di tích có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cấm mốc giới di tích.

Kinh phí thực hiện việc cắm mốc giới di tích từ nguồn ngân sách nhà nước các cấp; nguồn thu từ di tích và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

2. Việc cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích phải bảo đảm nguyên tắc phân định từ ranh giới các khu vực bảo vệ di tích với khu vực tiếp giáp trên thực địa theo biên bản và bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ trong hồ sơ xếp hạng di tích.

3. Cột mốc, hàng rào bảo vệ di tích phải được làm bằng chất liệu bền vững và đặt ở vị trí dễ nhận biết; hình dáng, màu sắc phải phù hợp với môi trường, cảnh quan di tích và không ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích.

4. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di tích hoặc được giao quyền quản lý, sử dụng di tích trong trường hợp phát hiện đất đai của di tích bị xâm phạm, lấn, chiếm, mua bán, hủy hoại phải có ngay biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và thông báo cho UBND cấp xã. Các cơ quan này khi nhận được thông báo phải kịp thời trình UBND cấp huyện để áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và báo ngay với cơ quan chuyên môn cấp trên trực tiếp để kịp thời xử lý, giải quyết.

Điều 12. Quản lý hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội và các hoạt động khác trong khu vực di tích

1. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm mọi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo quy định của pháp luật; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại di tích thực hiện theo quy định tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Lễ hội trong phạm vi di tích của địa phương nào, UBND cấp xã địa phương đó chịu trách nhiệm quản lý, tuân thủ theo quy định tại Điều 22, Luật Di sản văn hóa; khoản 7, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Việc tổ chức các hoạt động của lễ hội phù hợp với thuần phong mỹ tục và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi có di tích.

3. Hoạt động dịch vụ được bố trí ở khu vực bảo vệ 2 của di tích, bảo đảm nguyên tắc không làm ảnh hưởng tới yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan môi trường, an ninh và các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo gắn với di tích. Hoạt động dịch vụ tại di tích phải được cấp có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh những mặt hàng phù hợp.

Điều 13. Tiếp nhận, bổ sung hiện vật mới vào di tích

1. Được sự đồng thuận của nhân dân nơi có di tích, có văn bản đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định.

2. Hiện vật được bổ sung phải có giá trị thẩm mỹ, phù hợp với lịch sử dân tộc; kích thước, kiểu dáng, màu sắc phù hợp với không gian kiến trúc và nội thất của di tích.

3. Hiện vật được bổ sung mới vào di tích phải có văn bản thỏa thuận của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Việc thực hiện làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải được cấp giấy phép theo quy định tại Điều 23, Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.

Căn cứ vào mục đích của việc bổ sung hiện vật, người có thẩm quyền cấp phép quyết định số lượng hiện vật được bổ sung.

Điều 14. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch tại di tích

1. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan du lịch tại di tích phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương có di tích; thực hiện theo sự hướng dẫn và giám sát của cấp chính quyền quản lý trực tiếp di tích.

2. Các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức hợp tác khoa học đa quốc gia có nhu cầu nghiên cứu khoa học tại các di tích trên địa bàn tỉnh phải có văn bản đề nghị với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý và sử dụng di tích có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đến tham quan, nghiên cứu du lịch tại di tích.

Điều 15. Phát huy giá trị di tích trong hoạt động du lịch

1. Những điểm di tích đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch năm 2017 có thể đề nghị UBND tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch.

2. Ban quản lý di tích địa phương đồng thời là Ban quản lý điểm du lịch, trừ các di tích được quy định tại Khoản 1, Điều 10.

Điều 16. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thu từ di tích

1. Nguồn kinh phí thu từ di tích bao gồm:

a) Phí tham quan di tích (nếu có);

b) Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động quản lý, sử dụng và phát huy giá trị di tích gồm: công đức, tiền đặt trên các ban thờ, các dịch vụ khác...;

c) Nguồn tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản thu khác (bằng tiền và hiện vật).

2. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí thu từ di tích:

a) Nguồn thu từ phí tham quan di tích phải được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

b) Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động quản lý, sử dụng và phát huy giá trị di tích được sử dụng theo quy định.

c) Nguồn tài trợ, xã hội hóa được tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo nguyên tắc công khai, minh bạch, chi đúng mục đích, đúng quy định, gồm các khoản: điện, nước, hương đèn, bao sái, vệ sinh, đón tiếp khách tham quan, bảo vệ, bảo quản, tu

bổ di tích, hoạt động từ thiện, bồi dưỡng thành viên Ban quản lý di tích và các hoạt động khác nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

d) Cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các nội dung chi. Định kỳ 6 tháng một lần, Ban Quản lý di tích địa phương báo cáo việc thu chi tiền công đức của di tích theo phân cấp quản lý tại Điều 10 của quy định này.

đ) Nguồn thu của di tích được gửi tại một tài khoản ngân hàng do Ban Quản lý di tích địa phương lập (đối với những di tích có nguồn thu nhiều).

Mục 3

Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; điều chỉnh quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch tu bổ di tích); điều chỉnh quy hoạch di tích thực hiện theo quy định tại Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi chung là Nghị định số 166/2018/NĐ-CP); Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh đề lập quy hoạch tu bổ di tích trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức lập quy hoạch tu bổ di tích phải có Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2016/NĐ-CP); Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về việc Sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 18. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích

1. Thẩm quyền lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thực hiện theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 166/2018/NĐ-CP.

2. Thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích đối với di tích quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc thẩm định nội dung dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh.

- Nội dung thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích theo quy định tại Khoản 15, Điều 2, Quy định này.

- Dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa thẩm định nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích do dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đề xuất, chủ đầu tư có trách nhiệm xem xét, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích:

UBND tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư hay các cơ quan cấp dưới thực hiện việc phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích theo quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau khi có văn bản thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa và xây dựng.

4. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích sau khi dự án tu bổ di tích được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được thực hiện theo quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích thực hiện theo quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp tỉnh; có văn bản đề nghị Cục Di sản văn hóa tham gia ý kiến đối với thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt.

5. Tổ chức lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích phải có Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về việc Sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 19. Tu sửa cấp thiết di tích, bảo quản định kỳ di tích

Việc tu sửa cấp thiết di tích, bảo quản định kỳ di tích được thực hiện theo Điều 19, Điều 20 Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chi tiết một số quy định về việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 20. Bảo quản hiện vật, đồ thờ của di tích

Việc bảo quản hiện vật được thực hiện theo Điều 12, Điều 13 Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 21. Xây dựng công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích

Việc cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích mà có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích, thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Điều 22. Nguồn vốn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp.
2. Nguồn vốn trích từ nguồn thu trong việc khai thác, phát huy giá trị di tích.
3. Các nguồn vốn tài trợ hợp pháp, vận động đóng góp của các tổ chức, cá nhân.
4. Nguồn vốn khác bao gồm cả việc sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn.
5. Việc đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích bằng nguồn vốn đầu tư công thực hiện theo Luật Đầu tư công.

Chương III**QUẢN LÝ DI VẬT, CỔ VẬT, BẢO VẬT QUỐC GIA****Điều 23. Tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thăm dò khai quật khảo cổ hoặc do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp**

Tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thăm dò khai quật khảo cổ học hoặc do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

Điều 24. Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm xây dựng quy trình, chuẩn bị mẫu hồ sơ để các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tới đăng ký hiện vật.

Chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có trách nhiệm thực hiện đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 25. Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích:
 - a) Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng di tích phải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kiểm kê di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong di tích

theo định kỳ hàng quý, hàng năm, báo cáo UBND cấp xã về thực trạng di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và hoạt động quản lý di tích, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

b) Tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng di tích phải có trách nhiệm bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia an toàn tuyệt đối. Trong trường hợp phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của di tích bị mất mát, hủy hoại thì phải báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền gần nhất để kịp thời xử lý, giải quyết.

c) Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích ra khỏi di tích để nghiên cứu, trưng bày, triển lãm trong phạm vi của tỉnh phải có giấy phép của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đề nghị bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

d) Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích ra ngoài phạm vi tỉnh phải có Quyết định cho phép của Chủ tịch UBND tỉnh theo đề nghị bằng văn bản của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

đ) Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cho phép đưa cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích ra nước ngoài.

e) Nếu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở di tích bị mất thì tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng di tích phải chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở Bảo tàng tỉnh và nhà truyền thống:

a) Việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở Bảo tàng tỉnh và nhà truyền thống ra ngoài phạm vi tỉnh phải có quyết định cho phép của Chủ tịch UBND tỉnh theo đề nghị bằng văn bản của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cho phép đưa cổ vật, bảo vật quốc gia ở Bảo tàng tỉnh và nhà truyền thống ra nước ngoài.

c) Việc quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng tỉnh, nhà truyền thống được thực hiện theo Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng ban hành kèm theo Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Điều 26. Công nhận bảo vật quốc gia

1. Hiện vật là di vật, cổ vật được lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia là hiện vật đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung và đã đăng ký theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm lập hồ sơ trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

Điều 27. Thẩm quyền cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Thẩm quyền cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 23, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

2. Điều kiện cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:

- a) Có mục đích rõ ràng;
- b) Có bản gốc đối chiếu;
- c) Có dấu hiệu riêng để phân biệt bản sao với bản gốc;
- d) Có sự đồng ý của chủ sở hữu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Điều 28. Quản lý di vật, cổ vật trong di tích khảo cổ

Trong trường hợp phát hiện di vật, cổ vật trong các di tích, di chỉ khảo cổ, UBND cấp xã phải khoanh vùng khu vực cần bảo vệ, tổ chức lực lượng bảo vệ kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm phạm di tích, di chỉ khảo cổ và báo cáo Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thu nhận, bảo quản theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Mua bán, trao đổi, tặng cho, thừa kế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được mua bán, trao đổi, tặng cho và thừa kế.

2. Hoạt động mua bán, trao đổi, tặng cho và thừa kế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia phải thực hiện theo quy định tại Điều 43, Luật di sản văn hóa; Điều 24, 25, 26, 27, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp của các cấp, các ngành

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách về bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; đề xuất nguồn kinh phí sử dụng cho hoạt động này hàng năm;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể và địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

d) Tổ chức điều tra, kiểm kê di tích; tổ chức quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; chịu trách nhiệm lập hồ sơ khoa học và pháp lý trình cơ quan có thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích;

đ) Đề nghị quyết định xếp hạng và hủy bỏ xếp hạng di tích cấp tỉnh; kiến nghị hủy bỏ xếp hạng di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt;

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý hoạt động khai thác, phát huy giá trị di tích, cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia;

f) Thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích cấp tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; cho ý kiến về thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp tỉnh; trình Cục Di sản văn hóa cho ý kiến về thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

g) Tham gia thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường của di tích theo quy định;

h) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện, thẩm định hồ sơ xin phép tổ chức lễ hội tại di tích theo thẩm quyền, tuân thủ các quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh Bắc Ninh.

i) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức khai thác, phát huy giá trị di tích; hướng dẫn xây dựng nội quy tại các di tích;

j) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Di sản văn hóa và các quy định của Nhà nước liên quan; giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; cơ quan thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm tại các Quy định này;

k) Tổ chức cấp phép giấy chứng nhận đăng ký, làm bản sao, cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán, trao đổi và cửa hàng bán cổ vật;

l) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức và những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

m) Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

n) Hàng năm tổng hợp báo cáo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh; báo cáo UBND tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước 20/12.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư cho các dự án tu bổ, tôn tạo di tích.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phục vụ hoạt động bảo tồn di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước;

b) Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền về việc quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác bảo tồn di tích theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND cấp huyện quy hoạch quỹ đất di tích, quy hoạch các di chỉ khảo cổ học, cắm mốc giới bảo vệ di tích, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất di tích theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và triển khai các dự án bảo vệ môi trường di tích; thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, môi trường theo thẩm quyền.

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các Sở, ngành liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành, cơ quan liên quan thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích mà có khả năng ảnh hưởng xấu tới di tích, thực hiện quản lý không gian, kiến trúc ảnh hưởng đến di tích lịch sử văn hóa và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh theo quy định của UBND tỉnh.

6. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các Sở, ngành liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo đối với tổ chức, cá nhân đang hoạt động tôn giáo tại các di tích.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức giáo dục về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; đưa việc tham quan, học tập, nghiên cứu trực quan di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia vào chương trình giảng dạy ngoại khóa hàng năm của các cấp học.

8. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các Sở, ngành có liên quan ngăn chặn, xử lý vi phạm về bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý các trường hợp vi phạm về bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật.

9. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện thực hiện các quy định của Luật Di sản văn hóa đối với các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

10. UBND cấp huyện

a) UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong địa bàn quản lý;

b) Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, đột xuất với UBND tỉnh tình hình quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong phạm vi địa giới hành chính quản lý;

c) Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm về di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo thẩm quyền.

d) Hằng năm tổng hợp báo cáo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn theo phân cấp về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 15/12.

11. UBND cấp xã

a) Thành lập, kiện toàn Ban Quản lý di tích cấp xã để thực hiện quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại địa phương;

b) Thu nhận và bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được phát hiện trên địa bàn, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về văn hoá, thể thao, du lịch;

c) Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

d) Kiến nghị việc xếp hạng di tích;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho UBND cấp huyện về tình hình quản lý di tích trong phạm vi địa giới hành chính quản lý;

e) Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

f) Hằng năm tổng hợp báo cáo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn theo phân cấp về UBND cấp huyện trước ngày 10/12.

Điều 31. Tổ chức, cá nhân liên quan

Các tổ chức, cá nhân là công dân có quốc tịch Việt Nam hoặc người nước ngoài sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thực hiện các quy định trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 32. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong quản lý di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định Luật Di sản văn hóa, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này thì được khen thưởng theo quy định tại Luật Thi đua Khen thưởng và Điều 33, 34, Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ.

Điều 33. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quản lý, sử dụng di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. *lq*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quang
Vương Quốc Tuấn

